

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2021/HS-ST
Ngày: 22 - 12 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Long.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Xuân Thùy.

Ông Trần Văn Quân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử công khai, sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 77/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Tiến A, sinh ngày 05/9/1993 tại xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Đội 3, xóm D, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị T; bị cáo có vợ Nguyễn Thị B, sinh năm 1992 và có 01 con sinh năm 2021; tiền án: Ngày 27/9/2017, Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xử phạt 30 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/8/2019; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 17/6/2021 đến ngày 26/6/2021 chuyển tạm giam đến nay. Ngày 11/9/2021 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

1, Chị Trần Thị T, sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm B, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chị Phan Thị D, sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm B, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

-Người làm chứng

1. Anh Vũ Ngọc T; vắng mặt.

2. Anh Hoàng Văn H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua các mối quan hệ, Trần Tiến A quen biết với chị Trần Thị T, sinh năm 1982 và Phan Thị D, sinh năm 1982, đều trú tại; xóm B, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Trong thời gian từ ngày 14/3/2021 đến ngày 22/5/2021, Trần Tiến A đã cho chị Trần Thị T và chị Phan Thị D vay tiền ba lần (các ngày 14/3/2021 và 22/5/2021) với mức lãi suất từ 3.000đ/1triệu/1 ngày đến 4.000/1triệu/1 ngày. Trần Tiến A thu lãi theo tháng hoặc nửa tháng, 01 tháng tính là 30 ngày, nửa tháng tính 15 ngày. Cách thức thu lãi; thu trực tiếp hoặc chuyển khoản đến tài khoản của Trần Tiến A tại ngân hàng Techcombank. Trong các lần vay, Trần Tiến A đều yêu cầu viết người vay viết giấy bán tài sản hoặc quyền sử dụng đất để làm đảm bảo việc trả nợ. Ngày 16/6/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Xuân Trường nhận được tin báo nên đã tiến hành xác minh, làm rõ hành vi cho vay lãi nặng của Trần Tiến A. Kết quả như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 14/3/2021, tại nhà chị Trần Thị T, Trần Tiến cho chị T vay 50.000.000đ với lãi suất là 4000đ/1triệu/1 ngày (tương đương 144%/năm). Chị T phải viết giấy bán 08 chiếc máy khâu công nghiệp cho Trần Tiến A. Đến ngày 16/6/2021, Trần Tiến A đã thu lãi được 02 tháng 15 ngày (tổng là 75 ngày) với số tiền là $75 \times 200.000\text{đ}/1 \text{ ngày} = 15.000.000\text{đ}$. (Hình thức trả chuyển khoản).

Theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, số tiền lãi hợp pháp thu không quá 20% của khoản tiền vay (tức tiền gốc). Như vậy, số tiền lãi hợp pháp đối với khoản vay này là $(50.000.000\text{đ}) \text{ tiền gốc} \times (20\% \times 12 \text{ tháng: } 30 \text{ ngày}) \times 75 = 2.083.333\text{đ}$.

Số tiền Trần Tuấn A thu lợi bất hợp pháp là $15.000.000\text{đ} - 2.083.333\text{đ} = 12.916.667\text{đ}$.

Tương tự cách tính như trên đối với các lần vay khác như sau:

Lần thứ 2: Ngày 22/5/2021 tại nhà của chị Trần Thị T, Trần Tiến A cho chị T vay 100.000.000đ với lãi suất là 3.000đ/1 triệu/1 ngày (tương đương 108%/năm). Tại lần vay này, chị T thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là AM 864731 mang tên Trần Thị T do UBND huyện Xuân Trường cấp ngày 18/7/2021 và lập hợp đồng chuyển nhượng rồi đưa giấy chứng nhận cho Trần Tiến A giữ. Đến ngày 16/6/2021, Trần Tiến A đã thu lãi được 01 tháng (30 ngày) với tổng số tiền là: $30 \times 300.000\text{đ}/1 \text{ ngày} = 9.000.000\text{đ}$ (Hình thức trả trực tiếp).

Số tiền lãi hợp pháp là $(100.000.000\text{đ} \times (20\% : 12 \text{ tháng} : 30 \text{ ngày}) \times 30 = 1.666.667\text{đ}$

Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là $9.000.000\text{đ} - 1.666.667 \text{ đ} = 7.333.333\text{đ}$.

Lần thứ 3; Cùng ngày 22/5/2021, tại nhà của Trần Thị T, Trần Tiến A cho chị Phan Thị D vay 200.0000.000đ với lãi suất là 4.000đ/1 triệu/1 ngày (tương đương) 144%/năm). Khoản vay này Trần Tiến A yêu cầu chị D thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên của chị T, chị T nhất trí. Đến ngày 16/6/2021, Trần Tiến A đã thu lãi được 01 tháng 30 ngày (với tổng số tiền là $30: 800.000\text{đ}/1 \text{ ngày} = 24.000.000\text{đ}$ (Hình thức: trả trực tiếp 12 triệu đồng; chuyển khoản 12 triệu đồng).

Số tiền lãi hợp pháp là $(200.000\text{đ} \times (20\%:12 \text{ tháng} :30 \text{ ngày}) \times 30 = 3.333.333\text{đ}$.

Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là $24.000.000\text{đ} - 3.333.333\text{đ} = 20.666.667\text{đ}$.

Như vậy, tổng số tiền Trần Tiến A cho chị T và chị D là 350.000.000đ, mức lãi suất cho vay đều vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật dân sự 2015 quy định (gấp 7,2 và 5,4 lần) và chiếm hưởng bất hợp pháp số tiền là 40.916.667đ.

Ngày 17/6/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp với Trần Tiến A. Tiến A tự giao nộp; 01 thẻ căn cước công dân tên Trần Tiến A, 01 giấy chứng minh nhân dân tên Trần Thị T; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 864731 mang tên Trần Thị T do UBND huyện Xuân Trường cấp, người ký là Phó Chủ tịch UBND huyện Vũ Tuấn D; 01 điện thoại di động Iphone màu xám đen; 01 sổ hộ khẩu mang tên Hoàng Văn H; 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Trần Thị T và anh Trần T cùng một số giấy tờ khác.

Chị Trần Thị T tự giao nộp: 01 điện thoại Nokia 150TA - 1233 màu xám và 01 điện thoại Sam sung A21S màu xanh đen.

Tiến hành khám xét nơi ở của Trần Tiến A, Cơ quan điều tra còn thu giữ 01 giấy mượn tiền ghi ngày 22/5/2021 tên Phan Thị D mượn Trần Tiến A số tiền 250.000.000đ (đây là giấy Phan Thị D viết trước khi Trần Tiến A đồng ý cho D, T vay tổng 300.000.000đ, sau đó Trần Tiến A tự cầm về nhà cất); 01 giấy viết tay tên Hoàng Văn H (chồng Trần Thị T) bán 08 chiếc máy khâu cho Trần Tiến A ghi ngày 14/3/2021 (khi Trần Thị T vay 50.000.000đ); 01 giấy viết tay ghi ngày 14/3/2021 tên Trần Thị T vay 50.000.000đ và 10 giấy viết tay về việc vay tiền của Trần Tiến A với tổng số tiền khoảng 260 triệu đồng của nhiều người trên địa bàn các huyện G, X, N và một số giấy tờ khác.

Ngày 25/6/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Xuân Trường đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Trần Tiến A về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Tại cơ quan điều tra, Trần Tiến Anh đã khai nhận hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của bản thân như nêu trên. Về nguồn gốc số tiền dùng cho vay, Trần Tiến Anh khai do lao động, tiết kiệm mà có. Số tiền thu được ăn tiêu cá nhân hết.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 864731 mang tên Trần Thị T (ký hiệu là A). Ngày 20/7/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Xuân Trường đã thu thập các tài liệu liên quan và trưng cầu giám định. Tại kết luận giám định số 1006/KLGD-PC09 ngày 30/7/2021 của Phòng KTHS Công an tỉnh Nam Định kết luận: 01 Tài liệu cần giám định (ký hiệu A) là giả. Chữ ký đứng tên Phó chủ tịch Vũ Tuấn D trên tài liệu ký hiệu A so với chữ ký mẫu của đ/c Vũ Tuấn D không phải do cùng một người ký ra; 3. Hình dấu “Ủy ban nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định” trên tài liệu ký hiệu A so với hình dấu có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ thu thập được và Kết luận giám định nêu trên, Cơ quan điều tra Công an huyện Xuân Trường đã tách hành vi và tài liệu liên quan gồm; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 864731 mang tên Trần Thị T; 02 chiếc điện thoại di động thu của Trần Thị T; 01 hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất; 01 chứng minh nhân dân tên Trần Thị T; 01 sổ hộ khẩu tên Hoàng Văn H và khởi tố vụ án, khởi tố bị can Trần Thị T về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” để điều tra, xử lý trong vụ án khác.

Đối với 01 giấy viết tay của những người khác đã vay tiền của Trần Tiến A đã thu trong vụ án, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, làm việc với 06 người. Kết quả điều tra xác minh: Những người này có quan hệ thân thiết với Trần Tiến A, việc vay tiền đều không tính lãi, một số đã trả xong, ngoài ra không có tài liệu nào khác nên không có căn cứ xem xét xử lý. Những người

còn lại hiện không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra đã tách nội dung và những tài liệu liên quan ra để tiếp tục xác minh, xử lý sau là phù hợp pháp luật.

Cáo trạng số 77/CT-VKS ngày 23/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường đã truy tố Trần Tiến A về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đánh giá hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh và hình phạt: Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự:

+ Tuyên bố bị cáo Trần Tiến A phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

+ Xử phạt bị cáo Trần Tiến A từ 21 - 24 tháng cải tạo không giam giữ. và được trừ vào thời gian bị cáo đã bị tạm giữ.

+ Miễn khấu trừ thu thập cho bị cáo

+ Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng; Căn cứ vào các điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và các điểm a, b khoản 1 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu 01 chiếc điện thoại Iphone của bị cáo sung ngân sách nhà nước.

Truy thu số tiền 7.083.333đ của bị cáo Trần Tiến A để sung ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo phải trả lại số tiền lãi vượt quá quy định của Bộ luật dân sự cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cụ thể: Trả lại cho chị Trần Thị Tsố tiền 20.250.000đ; trả lại cho chị Phan Thị D số tiền là 20.666.667đ.

Buộc chị Trần Thị T phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền gốc đã vay của bị cáo chưa trả cho bị cáo số tiền 150.000.000đ;

Buộc chị Phan Thị D phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền gốc đã vay của bị cáo chưa trả cho bị cáo số tiền 200.000.000đ;

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” như nội dung vụ án đã nêu, bị cáo công nhận Viện kiểm sát đã truy tố đúng hành vi phạm tội của mình. Trong lời nói sau cùng, bị cáo thực sự ăn năn, hối lỗi mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Xuân Trường, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc kết tội: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ ngày 14/3/2021 đến ngày 22/5/2021 tại xóm B, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định, Trần Tiến A đã cho chị Trần Thị T vay tiền 02 lần, tổng số tiền là 150.000.000đ và cho chị Phan Thị D vay số tiền 200.000.000đ, tổng số tiền chị T và chị D vay của Trần Tiến A là 350.000.000đ với lãi suất từ 3000đ/1 triệu/ngày đến 4000đ/1 triệu/1 ngày tương đương 108%/năm đến 144%/năm; tổng số tiền thu lời bất chính của 03 khoản vay là 40.916.667đ. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo Tiến A “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ mà còn xâm phạm đến lợi ích của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có năng lực hành vi dân sự nhận thức được việc làm của mình xong vì muốn mức lãi suất cao bị cáo bất chấp quy định của pháp luật. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật thì mới tác dụng răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về việc làm của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam sẽ được khấu trừ vào thời gian cải tạo không giam giữ, cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 3 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng, tài sản thu giữ.

Đối với số tiền gốc 150.000.000đ mà bị cáo Trần Tiến A cho chị Trần Thị T vay lãi nặng và số tiền gốc 200.000.000đ mà bị cáo Trần Tiến A cho chị Phan Thị D vay lãi nặng là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước. Số tiền gốc này những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa trả cho bị cáo nên buộc chị Trần Thị T và chị Phan Thị D phải nộp lại ngân sách nhà nước tương ứng với số tiền gốc đã thực nhận từ bị cáo đã nêu trên.

Đối với số tiền lãi trong mức quy định (20%) là 7.083.333đ bị cáo đã thu của người vay là do phạm tội mà, bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết nên cần truy thu số tiền này để thu sung ngân sách Nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi vượt quá 20%/năm là 40.916.667 đồng, bị cáo thu trái pháp luật từ người vay do đó buộc bị cáo phải trả lại cho chị Trần Thị T số tiền là 20.250.000đ và trả lại cho chị Phan Thị D số tiền là 20.666.667đ.

Chiếc điện thoại thu giữ của bị cáo là công cụ phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 201 điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự;

- Tuyên bố bị cáo Trần Tiến A phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

+ Xử phạt bị cáo Trần Tiến A 02 (hai) năm 03 (ba) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ vào thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam 87 ngày

(từ ngày 17/6/2021 đến 11/9/2021) bằng 261 ngày cải tạo không giam, bị cáo còn phải chấp hành 01 năm 06 tháng 09 ngày cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Trần Tiến A cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã G nơi cư trú của người bị kết án trong việc giám sát, giáo dục người đó.

2. Xử lý vật chứng, tài sản thu giữ: Căn cứ vào các điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone của bị cáo Trần Tiến A.

Chi tiết vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 18/THA ngày 01/12/2021 giữa Công an huyện Xuân Trường và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường).

Truy thu số tiền 7.083.333đ của bị cáo Trần Tiến A để sung ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo phải trả lại số tiền lãi vượt quá quy định của Bộ luật Dân sự cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cụ thể: Trả cho chị Trần Thị T số tiền 20.250.000đ; trả cho chị Phan Thị D số tiền là 20.666.667đ.

Buộc chị Trần Thị T phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền gốc đã vay của bị cáo chưa trả cho bị cáo số tiền 150.000.000đ;

Buộc chị Phan Thị D phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền gốc đã vay của bị cáo chưa trả cho bị cáo số tiền 200.000.000đ;

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Buộc bị cáo Trần Tiến A phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị T; chị

Phan Thị D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện;
- UBND xã G;
- Bị cáo;
- NCLNVLQ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Ngọc Long

